TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2026/DS-ST
Ngày: 23 – 4 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2026/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng M1 (gọi tắt là V).
Địa chỉ: Số H, Đường L, Phường Đ, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP M1).
Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn M, là chuyên viên xử lý nợ pháp lý Ngân hàng M1 (Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2026, có mặt).
Số căn cước công dân: 096098006515, cấp ngày 27/10/2022.
- Bị đơn: Anh Trần Hữu T, sinh năm: 1993 (vắng mặt).
Căn cước công dân số: 096093007907, cấp ngày 14/8/2021.
Chị Huỳnh Thị Tố U, sinh năm: 1999 (vắng mặt).
Căn cước công dân số: 096199007790, cấp ngày 04/3/2022.
Cùng địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/01/2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày

17/7/2024, anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U có ký hợp đồng tín dụng số LD2407013071594 với Ngân hàng M1 (sau đây gọi tắt là V) để vay số tiền 373.900.000đ, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất trong hạn 15,20%/năm, lãi suất quá hạn 22,80%/năm, được điều chỉnh theo từng thời điểm; mục đích vay để mua xe ô tô, trả góp hàng tháng. Hình thức vay có thế chấp tài sản. Tài sản thế chấp là một xe ô tô nhãn hiệu MG, số loại ZS 1.5L STD, số khung MMLW74UXRG014296, số máy 15S4CCTTR4110030, biển kiểm soát 69A-140.81, do anh Trần Hữu T đứng tên sở hữu, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2407013071594 ngày 10/7/2024 được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 17/7/2024. Sau khi nhận tiền, anh T và chị U có thanh toán cho V số tiền gốc 65.665.830đ; khoản tiền lãi 44.022.673đ, sau đó ngưng thanh toán cho đến nay. Hiện anh T và chị U còn nợ gốc của khoản vay này là 308.234.170đ, lãi trong hạn 21.473.647đ, lãi quá hạn 10.736.824đ, tổng 340.444.641đ.

Ngoài ra, anh Trần Hữu T còn ký hợp đồng sử dụng thẻ thanh toán quốc tế số 420-P-3134638 với V hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, lãi suất trong hạn 47,88%/năm, lãi suất quá hạn 71,82%/năm mục đích vay để tiêu dùng. Hiện anh T và chị U còn nợ gốc của khoản vay này là 8.078.228đ, lãi trong hạn 1.128.125đ, lãi quá hạn 564.062đ, tổng 9.770.415đ.

Tổng cộng các khoản nợ gốc, nợ lãi của hai khoản vay là 350.215.056đ.

Từ nội dung trên, V khởi kiện yêu cầu anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho V

Trường hợp anh T và chị U không thanh toán được nợ cho V thì V yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là một xe ô tô nhãn hiệu MG, số loại ZS 1.5L STD, số khung MMLW74UXRG014296, số máy 15S4CCTTR4110030, biển kiểm soát 69A-140.81, do anh Trần Hữu T đứng tên sở hữu, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2407013071594 ngày 10/7/2024, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 17/7/2024 để thanh toán nợ cho V.

Đối với anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U, mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng anh T và chị U vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự phát sinh giao dịch từ ngày 17/7/2024 đến ngày 30/01/2026 nguyên đơn khởi kiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật sự. Về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn có

mặt; đối với bị đơn anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng anh T và chị U vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng tín dụng, có quy định thời hạn và có lãi suất. Hợp đồng tín dụng này được thiết lập trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận của hai bên và phù hợp pháp luật, đồng thời trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[3] Căn cứ hợp đồng tín dụng số LD2407013071594 ngày 17/7/2024 được thiết lập giữa V với anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U thể hiện anh T và chị U có vay nợ tại V số nợ gốc là 373.900.000đ và lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, V xác định rằng anh T và chị U có thanh toán cho V số tiền gốc là 65.665.830đ và khoản lãi phát sinh thì ngưng thanh toán cho đến nay. Ngoài ra, anh Trần Hữu T còn ký hợp đồng sử dụng thẻ thanh toán quốc tế số 420-P-3134638 với V hạn mức sử dụng là 10.000.000đ và lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ đã giao kết. Vì vậy, có cơ sở xác định hiện tại anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U còn nợ V các khoản nợ gốc là 316.312.398đ và các khoản nợ lãi phát sinh chưa thanh toán nên cần buộc anh T và chị U phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi cho V là hoàn toàn phù hợp.

[4] Thấy rằng, mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là cao so với quy định chung của pháp luật. Song, theo khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng có quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất. Tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Mặt khác, theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: "Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định: "Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án" cũng là không đúng. Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu

khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N và Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để chấp nhận mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng mà anh Trần Hữu T và V đã giao kết.

Do vậy, cần buộc anh T và chị U phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi cho V, gồm nợ gốc: 316.312.398đ, nợ lãi trong hạn: 22.601.772đ, nợ lãi quá hạn: 11.300.886đ, tổng các khoản: 350.215.056đ là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp: Quá trình khởi kiện, nguyên đơn có đặt ra yêu cầu thanh lý tài sản thế chấp. Xét thấy, khi anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U vay nợ của V có bảo đảm bằng tài sản thế chấp là một xe ô tô nhãn hiệu MG, số loại ZS 1.5L STD, số khung MMLW74UXRG014296, số máy 15S4CCTTR4110030, biển kiểm soát 69A-140.81, do anh Trần Hữu T đứng tên sở hữu, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2407013071594 ngày 10/7/2024, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 17/7/2024. Việc thế chấp thoả mãn theo những điều kiện luật định đồng thời anh T và chị U đã vi phạm hợp đồng, mất khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng nên được xem xét chấp nhận xử lý tài sản thế chấp của anh T và chị U để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[6] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho V nên anh T và chị U phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng M1 không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí sẽ được hoàn lại khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 299, 301, 303, 317, 357, 422 của Bộ luật sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N;
- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng M1 các khoản là: 350.215.056đ (ba trăm năm mươi triệu hai trăm mười lăm nghìn không trăm năm mươi sáu đồng), trong đó, nợ gốc 316.312.398đ, nợ lãi trong hạn: 22.601.772đ, nợ lãi quá hạn: 11.300.886đ và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng tín dụng đến khi thi hành xong.

2. Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn, buộc anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U giao tài sản thế chấp là một xe ô tô nhãn hiệu MG, số loại ZS 1.5L STD, số khung MMLW74UXRG014296, số máy 15S4CCTTR4110030, biển kiểm soát 69A-140.81, do anh Trần Hữu T đứng tên sở hữu, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2407013071594 ngày 10/7/2024, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 17/7/2024 cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát mãi để bảo đảm thanh toán nợ cho V.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U phải chịu 17.510.000đ (mười bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng). Ngân hàng M1 không phải nộp án phí, ngày 05/02/2026 V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 9.870.000đ (chín triệu tám trăm bảy chục nghìn đồng) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo biên lai số 1500 được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng M1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Tố U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ; văn thư.

Hứa Minh Hải